

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 tháng 03 năm 2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- **Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh, ông Vũ Hoàng Huy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Lữ Thị V**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: **Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông**

- **Bị đơn:** Anh **Phạm Quốc S**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: **Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông**

(Các đương sự vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện nhận ngày 13/12/2023, lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn chị **Lữ Thị V trình bày:**

Chị **V** và anh **S** kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ**. Hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc. Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung là **Phạm Quốc Nhật T**, sinh ngày 14/01/2018 hiện đang sống cùng anh **S** và cháu **Phạm Á T1**, sinh ngày 04/01/2020 hiện đang sống cùng chị **V**. Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị **V** xin ly hôn với anh **S**: Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, cụ thể: Anh **S** đi làm xa, không thường xuyên ở nhà nên vợ chồng ít nói chuyện qua lại, không quan tâm đến nhau, thời gian gần đây

vợ chồng xảy ra cãi nhau do anh S chơi cờ bạc, vợ chồng xô sát với nhau nhiều lần và anh S có nhiều lời lẽ xúc phạm chị V cụ thể: Khoảng tháng 8 năm 2023, chị V đi sinh nhật bạn thì anh S nhắn tin chửi bới. Đến tháng 9 năm 2023, anh S về nhà thì vợ chồng có xảy ra cãi vã, đánh nhau, anh S chửi bới, xúc phạm và nói chị V làm đơn ly hôn. Đến tháng 11 năm 2023, anh S về thăm nhà, vợ chồng có nói chuyện hàn gắn tình cảm nhưng cũng không tìm được tiếng nói chung, trong lúc cãi nhau thì anh S đã đập điện thoại của chị V. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bản thân anh S không mong muốn vợ chồng đoàn tụ mà nhắn tin chửi bới, thách thức chị V. Do đó chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị V xin ly hôn với anh Phạm Quốc S. Về con chung: Chị V đồng ý giao cháu Phạm Quốc Nhật T, sinh ngày 14/01/2018 cho anh S nuôi dưỡng và xin nhận nuôi dưỡng cháu Phạm Á T1, sinh ngày 04/01/2020. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngày 26/3/2024, chị Lữ Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như nội dung đã trình bày.

2. Theo lời khai của bị đơn trong trong quá trình tố tụng anh Phạm Quốc S tại Văn bản nêu ý kiến ngày 04/3/2024 trình bày:

Anh S thống nhất với nội dung trình bày của chị Lữ Thị V về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị V xin ly hôn là do hoàn cảnh kinh tế, anh S phải đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh còn chị V ở nhà nuôi dạy các con, khi mới kết hôn thì vợ chồng còn trẻ, ở xa nhau nên có cãi nhau, mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 9 năm 2023 nguyên nhân là do chị V thường xuyên đi chơi và ăn nhậu say xỉn, về khuya, bỏ mặc các con không chăm sóc nên vợ chồng xảy ra chửi bới, anh S nói chị V nộp đơn ly hôn để giải quyết. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh S không đồng ý ly hôn, trường hợp chị V cương quyết ly hôn thì anh S có nguyện vọng được nuôi cháu Phạm Quốc Nhật T, sinh ngày 14/01/2018 đồng ý giao cháu Phạm Á T1, sinh ngày 04/01/2020 cho chị V nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu. Do tính chất công việc bận rộn, không xin nghỉ để về tham gia phiên tòa nên anh S xin được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm và giữ nguyên quan điểm như nội dung đã trình bày tại Văn bản nêu ý kiến ngày 04/3/2024.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lữ Thị V**.

Về hôn nhân: Chị **Lữ Thị V** được ly hôn với anh **Phạm Quốc S**.

Về con chung: Giao cháu giao cháu **Phạm Quốc Nhật T**, sinh ngày 14/01/2018 cho anh **S** nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và giao cháu **Phạm Á T1**, sinh ngày 04/01/2020 cho chị **V** nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Chị **Lữ Thị V** phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về pháp luật tố tụng:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị **Lữ Thị V** yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh **Phạm Quốc S**, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh **Phạm Quốc S** có địa chỉ cư trú tại **thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị **Lữ Thị V** và bị đơn anh **Phạm Quốc S** đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

2. Về pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lữ Thị V** và anh **Phạm Quốc S** kết hôn năm năm 2017, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện Đ**. Hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc. Chị **V** và anh **S** đều thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, do hoàn cảnh kinh tế nên anh **S** phải đi làm xa, không thường xuyên ở nhà do đó vợ chồng ít nói chuyện qua lại, không quan tâm đến nhau, chị **V** cho rằng nguyên nhân chính dẫn đến việc chị **V** xin ly hôn là do anh **S** chơi cờ bạc, vợ chồng xô sát với nhau nhiều lần và anh **S** có nhiều lời lẽ xúc phạm chị **V**. Sau khi Tòa án thụ lý đơn ly hôn của chị **V** thì anh **S** về nhà, vợ

chồng trao đổi, nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng cũng không tìm được tiếng nói chung, trong lúc cãi nhau thì anh **S** đã đập điện thoại của chị **V**, sau đó nhắn tin chửi bới, xúc phạm chị **V**. Anh **S** cũng thừa nhận có chửi bới chị **V** nhưng nguyên nhân là do chị **V** thường xuyên đi chơi và ăn nhậu say xỉn, về khuya, bỏ mặc các con không chăm sóc. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị **V** và anh **S** là trầm trọng, không thể khắc phục, các bên không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, không còn sống chung với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Lữ Thị V**.

[2.2]. Về con chung: Chị **V** và anh **S** có 02 con chung là **Phạm Quốc Nhật T**, sinh ngày 14/01/2018 hiện đang sống cùng anh **S** và cháu **Phạm Á T1**, sinh ngày 04/01/2020 hiện đang sống cùng chị **V**. Chị **V** và anh **S** đều thống nhất giao cháu **Phạm Quốc Nhật T**, sinh ngày 14/01/2018 cho anh **S** nuôi dưỡng và giao cháu **Phạm Á T1**, sinh ngày 04/01/2020 cho chị **V** nuôi dưỡng. Nội dung thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con sau ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu **Phạm Quốc Nhật T**, sinh ngày 14/01/2018 cho anh **S** nuôi dưỡng và giao cháu **Phạm Á T1**, sinh ngày 04/01/2020 cho chị **V** nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị **Lữ Thị V** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lữ Thị V**.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lữ Thị V** được ly hôn với anh **Phạm Quốc S**

1.2. Về con chung: Giao cháu **Phạm Quốc Nhật T**, sinh ngày 14/01/2018 cho anh **Phạm Quốc S** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Giao cháu **Phạm Á T1**, sinh ngày 04/01/2020 cho chị **Lữ Thị V** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 và Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình.

2. Về án phí: Chị **Lữ Thị V** phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001782 ngày 21/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đắk Gằn, huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Thắng